

PHÒNG HỌC CAO HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
268	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Toán kỹ thuật	10	01/04/2025	02/04/2025	501A2
269	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Toán kỹ thuật	10	01/04/2025	02/04/2025	501A2
270	Kỹ thuật viễn thông UD 32.2	Toán kỹ thuật	10	01/04/2025	02/04/2025	501A2
275	Công nghệ thông tin UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
276	KT Cơ sở hạ tầng UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
277	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
278	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
279	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
280	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
281	KT ô tô NC 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
282	QL kinh tế UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
283	QL xây dựng NC 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
284	QL xây dựng UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
285	Quản trị kinh doanh UD 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
286	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	Triết học	34	02/04/2025	05/04/2025	102A2
291	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	KT điều khiển GT	13	06/04/2025	08/04/2025	501A2
292	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	KT điều khiển GT	13	06/04/2025	08/04/2025	501A2
293	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Kỹ thuật điều khiển GT	13	06/04/2025	08/04/2025	501A2
294	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Kỹ thuật điều khiển GT	13	06/04/2025	08/04/2025	501A2
295	QL xây dựng NC 32.1	Kinh tế đầu tư trong XD	27	08/04/2025	10/04/2025	102A2
296	QL xây dựng UD 32.1	Kinh tế đầu tư trong XD	27	08/04/2025	10/04/2025	102A2
297	Quản lý XD NC 32.2	Kinh tế đầu tư trong XD	27	08/04/2025	10/04/2025	102A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
298	Quản lý XD UD 32.2	Kinh tế đầu tư trong XD	27	08/04/2025	10/04/2025	102A2
299	QL kinh tế UD 32.1	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
300	Quản trị kinh doanh UD 32.1	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
301	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
302	Quản trị kinh doanh UD 32.2	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
303	Tổ chức & QL vận tải NC 32.2	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
304	Tổ chức & QL vận tải UD 32.2	QL & phát triển công nghệ	27	08/04/2025	10/04/2025	103A2
287	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Sức bền vật liệu	16	08/04/2025	09/04/2025	101.A2
288	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Sức bền vật liệu	16	08/04/2025	09/04/2025	101.A2
289	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Sức bền vật liệu	16	08/04/2025	09/04/2025	101.A2
290	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Sức bền vật liệu	16	08/04/2025	09/04/2025	101.A2
305	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	Trí tuệ nhân tạo trong ĐK-TĐH	13	09/04/2025	10/04/2025	501A2
306	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	Trí tuệ nhân tạo trong ĐK-TĐH	13	09/04/2025	10/04/2025	501A2
307	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Trí tuệ nhân tạo trong ĐK-TĐH	13	09/04/2025	10/04/2025	501A2
308	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Trí tuệ nhân tạo trong ĐK-TĐH	13	09/04/2025	10/04/2025	501A2
309	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Thủy lực CTGT	16	10/04/2025	12/04/2025	101.A2
310	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Thủy lực CTGT	16	10/04/2025	12/04/2025	101.A2
311	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Thủy lực CTGT	16	10/04/2025	12/04/2025	101.A2
312	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Thủy lực CTGT	16	10/04/2025	12/04/2025	101.A2
313	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	KT điều khiển xe điện	13	11/04/2025	12/04/2025	501A2
314	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	KT điều khiển xe điện	13	11/04/2025	12/04/2025	501A2
315	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	KT điều khiển xe điện	13	11/04/2025	12/04/2025	501A2
316	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	KT điều khiển xe điện	13	11/04/2025	12/04/2025	501A2
317	QL kinh tế UD 32.1	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
318	Quản trị kinh doanh UD 32.1	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2
319	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2
320	Quản trị kinh doanh UD 32.2	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2
321	Tổ chức & QL vận tải NC 32.2	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2
322	Tổ chức & QL vận tải UD 32.2	QL thông tin	27	11/04/2025	14/04/2025	103A2
323	QL xây dựng NC 32.1	Thẩm định DAĐT công trong XD	27	11/04/2025	14/04/2025	102A2
324	QL xây dựng UD 32.1	Thẩm định DAĐT công trong XD	27	11/04/2025	14/04/2025	102A2
325	Quản lý XD NC 32.2	Thẩm định DAĐT công trong XD	27	11/04/2025	14/04/2025	102A2
326	Quản lý XD UD 32.2	Thẩm định DAĐT công trong XD	27	11/04/2025	14/04/2025	102A2
327	QL Xây dựng UD 31.2	Đồ án ứng dụng	12	14/04/2025	31/05/2025	401A2
328	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Toán kỹ thuật	10	14/04/2025	16/04/2025	501A2
329	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Toán kỹ thuật	10	14/04/2025	16/04/2025	501A2
330	Kỹ thuật viễn thông UD 32.2	Toán kỹ thuật	10	14/04/2025	16/04/2025	501A2
331	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Toán ứng dụng	16	14/04/2025	16/04/2025	101.A2
332	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Toán ứng dụng	16	14/04/2025	16/04/2025	101.A2
333	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Toán ứng dụng	16	14/04/2025	16/04/2025	101.A2
334	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Toán ứng dụng	16	14/04/2025	16/04/2025	101.A2
335	QL kinh tế UD 32.1	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
336	Quản trị kinh doanh UD 32.1	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
337	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
338	Quản trị kinh doanh UD 32.2	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
339	Tổ chức & QL vận tải NC 32.2	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
340	Tổ chức & QL vận tải UD 32.2	QL sản xuất & dịch vụ	27	15/04/2025	17/04/2025	103A2
341	QL xây dựng NC 32.1	QL tài chính trong ĐTXD	27	15/04/2025	17/04/2025	102A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
342	QL xây dựng UD 32.1	QL tài chính trong ĐTXD	27	15/04/2025	17/04/2025	102A2
343	Quản lý XD NC 32.2	QL tài chính trong ĐTXD	27	15/04/2025	17/04/2025	102A2
344	Quản lý XD UD 32.2	QL tài chính trong ĐTXD	27	15/04/2025	17/04/2025	102A2
345	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	Độ tin cậy & an toàn	13	17/04/2025	21/04/2025	501A2
346	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	Độ tin cậy & an toàn	13	17/04/2025	21/04/2025	501A2
347	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Độ tin cậy & an toàn	13	17/04/2025	21/04/2025	501A2
348	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Độ tin cậy & an toàn	13	17/04/2025	21/04/2025	501A2
349	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Trắc địa công trình	16	17/04/2025	19/04/2025	101.A2
350	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Trắc địa công trình	16	17/04/2025	19/04/2025	101.A2
351	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Trắc địa công trình	16	17/04/2025	19/04/2025	101.A2
352	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Trắc địa công trình	16	17/04/2025	19/04/2025	101.A2
353	QL kinh tế UD 32.1	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
354	Quản trị kinh doanh UD 32.1	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
355	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
356	Quản trị kinh doanh UD 32.2	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
357	Tổ chức & QL vận tải NC 32.2	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
358	Tổ chức & QL vận tải UD 32.2	Phân tích KT	27	18/04/2025	21/04/2025	103A2
359	QL xây dựng NC 32.1	QL sản xuất XD & khai thác CT	27	18/04/2025	21/04/2025	102A2
360	QL xây dựng UD 32.1	QL sản xuất XD & khai thác CT	27	18/04/2025	21/04/2025	102A2
361	Quản lý XD NC 32.2	QL sản xuất XD & khai thác CT	27	18/04/2025	21/04/2025	102A2
362	Quản lý XD UD 32.2	QL sản xuất XD & khai thác CT	27	18/04/2025	21/04/2025	102A2
363	KT Điều khiển & TĐH 31.2	Phương pháp NCKH	19	19/04/2025	22/04/2025	101a.A2
364	KT Điện tử UD 1 31.2	Phương pháp NCKH	19	19/04/2025	22/04/2025	101a.A2
365	KT viễn thông nc	Phương pháp NCKH	19	19/04/2025	22/04/2025	101a.A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
366	KT viễn thông UD	Phương pháp NCKH	19	19/04/2025	22/04/2025	101a.A2
367	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Địa kỹ thuật UD	16	21/04/2025	23/04/2025	101.A2
368	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Địa kỹ thuật UD	16	21/04/2025	23/04/2025	101.A2
369	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Địa kỹ thuật UD	16	21/04/2025	23/04/2025	101.A2
370	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Địa kỹ thuật UD	16	21/04/2025	23/04/2025	101.A2
371	QL kinh tế UD 32.1	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
372	Quản trị kinh doanh UD 32.1	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
373	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
374	Quản trị kinh doanh UD 32.2	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
375	Tổ chức & QL vận tải NC 32.2	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
376	Tổ chức & QL vận tải UD 32.2	Kinh tế học nc	27	22/04/2025	24/04/2025	103A2
377	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	KT điều khiển GT	13	22/04/2025	24/04/2025	501A2
378	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	KT điều khiển GT	13	22/04/2025	24/04/2025	501A2
379	Kỹ thuật ĐK & TĐH NC 32.2	Kỹ thuật điều khiển GT	13	22/04/2025	24/04/2025	501A2
380	Kỹ thuật ĐK & TĐH UD 32.2	Kỹ thuật điều khiển GT	13	22/04/2025	24/04/2025	501A2
381	QL xây dựng NC 32.1	QL hoạt động tư vấn trong XD	27	22/04/2025	24/04/2025	102A2
382	QL xây dựng UD 32.1	QL hoạt động tư vấn trong XD	27	22/04/2025	24/04/2025	102A2
383	Quản lý XD NC 32.2	QL hoạt động tư vấn trong XD	27	22/04/2025	24/04/2025	102A2
384	Quản lý XD UD 32.2	QL hoạt động tư vấn trong XD	27	22/04/2025	24/04/2025	102A2
385	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Độ tin cậy kết cấu CT	16	24/04/2025	25/04/2025	101.A2
386	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Độ tin cậy kết cấu CT	16	24/04/2025	25/04/2025	101.A2
387	Kỹ thuật XD CTGT NC 32.2	Độ tin cậy kết cấu CT	16	24/04/2025	25/04/2025	101.A2
388	Kỹ thuật XD CTGT UD 32.2	Độ tin cậy kết cấu CT	16	24/04/2025	25/04/2025	101.A2
389	Công nghệ thông tin UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
390	KT Cơ sở hạ tầng UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
391	KT điều khiển & TĐH nc 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
392	KT điều khiển & TĐH UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
393	KT Xây dựng CTGT NC 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
394	KT Xây dựng CTGT UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
395	KT ô tô NC 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
396	QL kinh tế UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
397	QL xây dựng NC 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
398	QL xây dựng UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
399	Quản trị kinh doanh UD 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2
400	Tổ chức & QL vận tải NC 32.1	Triết học	34	26/04/2025	29/04/2025	102A2